

Bản án số: 09/2019/DS-ST.

Ngày: 26/9/2019.

V/v: “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THANH HÓA, TỈNH THANH HÓA

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thu Hà.

- *Các Hội thẩm nhân dân:* 1- Bà Mai Thị Tiếp.
2- Ông Phạm Văn Tiến.

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Duy Ninh - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thanh Hóa tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Lý - Kiểm sát viên.

Ngày 26/9/2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa đưa ra xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 32/2019/TLST-DS ngày 31 tháng 01 năm 2019 về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 74/2019/QĐXXST-DS ngày 31/7/2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 65 ngày 28/8/2019, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng thương mại cổ phần P.

Địa chỉ: số 45 phố L, phường B, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh.

- *Người đại diện theo pháp luật:* ông Trịnh Văn T - Chủ tịch Hội đồng quản trị.

- *Người đại diện theo ủy quyền:* ông Nguyễn Tất Đ - Giám đốc bán lẻ, Ngân hàng TMCP P - PGD Q(văn bản ủy quyền số 48/2016/UQ-CT.HĐQT ngày 02/11/2016 của Chủ tịch HĐQT - Ngân hàng TMCP P).

Ông Nguyễn Tất Đ ủy quyền cho ông Hoàng Thế A - chuyên viên xử lý nợ - Trung tâm xử lý nợ - HO Ngân hàng TMCP P (theo văn bản ủy quyền số 02/2018/UQ-OCB-KHCN ngày 12/9/2018).

Địa chỉ: số 06 + 07 phố P, phường Đ, thành phố T, tỉnh Thanh Hóa.

Bị đơn: ông Lê Minh Đ - sinh 1953, bà Lê Thị N - sinh 1958.

Nơi ĐKKHTT: SN 251/42 phố H, phường Q, thành phố T, tỉnh Thanh Hóa.

Nơi cư trú: SN 33/251 phố H, phường Q, thành phố T, tỉnh Thanh Hóa.

Tại phiên tòa có mặt nguyên đơn, vắng mặt bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Ngày 13/7/2016, Ngân hàng TMCP P (sau đây viết tắt là Ngân hàng) - Chi nhánh T - Phòng giao dịch Q và ông Lê Minh Đ, bà Lê Thị N thỏa thuận ký kết Hợp đồng tín dụng - khách hàng cá nhân số 0167/2016/HĐTD-CN, với nội dung: Ngân hàng cho ông Đ, bà N vay số tiền 170.000.000đ (một trăm bảy mươi triệu đồng); thời hạn vay 60 tháng, kể từ ngày nhận nợ; mục đích vay: mua sắm vật dụng trong gia đình; mức lãi suất cho vay: áp dụng lãi suất cho vay thả nổi, điều chỉnh 06 tháng/lần, xác định bằng lãi suất huy động tiết kiệm cá nhân kỳ hạn 12 tháng trả lãi cuối kỳ của OCB + biên độ tối thiểu 4,5%/năm. Kỳ điều chỉnh lãi suất cơ bản, lãi biên và/hoặc phương thức xác định LSCV tuân thủ và chịu sự điều chỉnh theo chính sách lãi suất của OCB từng thời kỳ. Thay đổi lãi suất: OCB được quyền điều chỉnh, thay đổi kỳ điều chỉnh lãi suất, lãi suất cơ sở, biên độ lãi suất và/hoặc phương thức xác định lãi suất cho vay phải tuân thủ và chịu sự điều chỉnh theo chính sách lãi suất của OCB tại từng thời kỳ; lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn; thời hạn trả nợ gốc: định kỳ vào ngày 05 hàng tháng trả số tiền 2.830.000đ, trả nợ lãi: định kỳ vào ngày 05 hàng tháng trả lãi theo dư nợ thực tế.

Để đảm bảo cho khoản tiền vay, ngày 13/7/2016 Ngân hàng và ông Lê Minh Đ, bà Lê Thị N đã ký hợp đồng thế chấp tài sản số 0167/2016/BĐ thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại SN 33/251 phố H, phường Q, thành phố T, gồm 128,95m² đất (bao gồm: 45m² đất ở, 83,95m² đất vườn, đều có thời hạn sử dụng lâu dài) tại thửa số 498, tờ bản đồ số 01, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 212460, số vào sổ cấp GCN T00212QTQSDĐ/1832/QĐ-CT ngày 10/9/2004 của UBND thành phố T cấp cho ông Lê Minh Đ, bà Lê Thị N.

Để thực hiện hợp đồng tín dụng, ngày 15/7/2019 Ngân hàng đã giải ngân cho ông Đ, bà N vay số tiền 170.000.000đ (một trăm bảy mươi triệu đồng) theo khế ước nhận nợ số 0167/2016-OCB/KU'NN-CN.

Quá trình thực hiện hợp đồng, ông Lê Minh Đ, bà Lê Thị N đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ đối với Ngân hàng từ tháng 5/2018, nên ngân hàng đã chuyển nợ quá hạn và phải chịu mức lãi suất quá hạn theo thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng.

Sau khi ông Đ, bà N vi phạm nghĩa vụ trả nợ, Ngân hàng đã đến gia đình nhắc nhở nhiều lần nhưng ông Đ, bà N không thực hiện đúng nghĩa vụ trả nợ; sau đó Ngân hàng gửi thông báo nợ thì gia đình ông Đ, bà N đã bỏ đi khỏi địa phương, không thông báo cho Ngân hàng về địa chỉ cư trú mới.

Tính đến ngày 26/9/2019, ông Đ bà N mới chỉ thanh toán cho Ngân hàng tổng số tiền 107.949.197đ (bao gồm tiền nợ gốc 69.811.274đ, tiền lãi trong hạn 33.215.445đ, lãi quá hạn 4.922.478đ), còn nợ Ngân hàng tổng số tiền 116.840.369đ (trong đó nợ gốc 100.188.726đ, nợ lãi trong hạn 11.577.348đ, nợ lãi quá hạn 5.074.295đ). Nay Ngân hàng yêu cầu ông Đ, bà N phải có trách nhiệm trả cho Ngân hàng.

Trường hợp ông Lê Minh Đ, bà Lê Thị N không trả được nợ thì Ngân hàng yêu cầu xử lý các tài sản thế chấp để thu hồi nợ vay.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án tiến hành giao thông báo thụ lý cho ông Lê Minh Đ, bà Lê Thị N thì ông Đ, bà N không còn cư trú tại địa phương theo địa chỉ Ngân hàng2 cung cấp. Qua xác minh, chính quyền địa phương cho biết gia đình ông Đ, bà N có hộ

khẩu thường trú tại SN 251/42 và cư trú tại số nhà 33/251 phố H, phường Q, thành phố T nhưng đã di khỏi địa phương từ tháng 5 năm 2018, khi đi không báo cáo chính quyền địa phương nên không ai biết ông Đ, bà N đi đâu, làm gì, hiện ở đâu. Khi khởi kiện Ngân hàng đã ghi đầy đủ, đúng địa chỉ nơi cư trú của bị đơn theo địa chỉ được ghi trong hợp đồng tín dụng; khi bị đơn thay đổi nơi cư trú gắn liền với việc thực hiện quyền, nghĩa vụ trong hợp đồng không thông báo với nguyên đơn về địa chỉ nơi cư trú mới theo quy định tại khoản 3 Điều 40 của Bộ luật dân sự và quy định tại điểm b, khoản 1 Điều 8 Hợp đồng tín dụng nên được coi là bị đơn cố tình dấu địa chỉ nên Tòa án tiếp tục giải quyết vụ án theo hướng dẫn tại điểm a khoản 1 Điều 6 Nghị quyết 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng thẩm phán - TAND Tối cao. Tòa án đã niêm yết công khai các văn bản tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự để giải quyết vụ án.

Quá trình vay vốn, ông Đ bà N vi phạm đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên Ngân hàng khởi kiện yêu cầu ông Đ bà N trả nợ theo hợp đồng tín dụng đã ký. Tài sản thế chấp bảo đảm cho ông Đ bà N vay vốn Ngân hàng là tài sản thuộc quyền sở hữu, sử dụng hợp pháp của ông Đ bà N, ông Đ bà N tự nguyện thế chấp để vay vốn. Nay ông Đ bà N không trả được nợ, Ngân hàng đề nghị xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ vay.

Ý kiến đại diện Viện kiểm sát:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; nguyên đơn thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình; bị đơn không thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, lời khai của đương sự tại phiên tòa, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP P. Buộc ông Lê Minh Đ, bà Lê Thị N phải trả cho Ngân hàng tổng số tiền còn nợ theo hợp đồng tín dụng đã ký tính đến ngày 26/9/2019 là 116.840.369đ (trong đó nợ gốc 100.188.726đ, nợ lãi trong hạn 11.577.348đ, nợ lãi quá hạn 5.074.295đ).

Trường hợp bị đơn không trả được khoản nợ nêu trên, nguyên đơn được quyền đề nghị cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền xử lý phát mại tài sản thế chấp để thu hồi nợ vay.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Ngân hàng khởi kiện yêu cầu ông Lê Minh Đ, bà Lê Thị N thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo Hợp đồng tín dụng đã ký là tranh chấp hợp đồng dân sự, được quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Thanh Hóa.

Về việc thụ lý vụ án: Nguyên đơn (Ngân hàng) đã cung cấp địa chỉ nơi cư trú của bị đơn (ông Lê Minh Đ, bà Lê Thị N) theo đúng quy định pháp luật nên Tòa án thụ lý vụ án theo hướng dẫn tại Điều 5, Điều 6 Nghị quyết 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng thẩm phán - TAND Tối cao.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án không tổng đạt được thông báo về việc thụ lý vụ

án do bị đơn (ông Lê Minh Đ, bà Lê Thị N) không còn cư trú tại địa chỉ nguyên đơn cung cấp nữa. Nguyên đơn (Ngân hàng) đã ghi đầy đủ, đúng địa chỉ nơi cư trú của bị đơn theo địa chỉ được ghi trong hợp đồng tín dụng; khi bị đơn thay đổi nơi cư trú gắn liền với việc thực hiện quyền, nghĩa vụ trong hợp đồng không thông báo với nguyên đơn về nơi cư trú mới theo quy định tại khoản 3 Điều 40 Bộ luật dân sự và quy định tại điểm b, khoản 1 Điều 8 Hợp đồng tín dụng nên được coi là bị đơn cố tình dấu địa chỉ nên Tòa án tiếp tục giải quyết vụ án theo hướng dẫn tại điểm a khoản 1 Điều 6 Nghị quyết 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng thẩm phán - TAND Tối cao. Tòa án đã niêm yết công khai các văn bản tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự để giải quyết vụ án.

Bị đơn đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ đến phiên tòa lần thứ 2 nhưng vắng mặt không có lý do, nên Tòa án căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 BLTTDS xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về yêu cầu bị đơn thanh toán số tiền còn nợ theo hợp đồng tín dụng đã ký:

Xét thấy: hợp đồng tín dụng số 0167/2016/HĐTD-CN ngày 13/7/2016 ký kết giữa Ngân hàng với ông Lê Minh Đ, bà Lê Thị N được giao kết cơ sở tự nguyện, nội dung và hình thức hợp đồng tuân thủ các quy định pháp luật nên là hợp đồng hợp pháp, phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên và các bên phải có trách nhiệm thực hiện các thỏa thuận đã cam kết trong hợp đồng.

Quá trình thực hiện hợp đồng, Ngân hàng đã thực hiện đầy đủ các thỏa thuận đã cam kết, giải ngân cho ông Lê Minh Đ, bà Lê Thị N vay số tiền 170.000.000đ (một trăm bảy mươi triệu đồng) theo khế ước nhận nợ số 0167/2016-OCB/KUNN-CN, nhưng ông Đ, bà N không thực hiện đầy đủ nghĩa vụ trả nợ như đã cam kết với Ngân hàng. Đến tháng 5 năm 2018 ông Đ, bà N vi phạm nghĩa vụ thanh toán, vì vậy căn cứ điểm a khoản 1 Điều 7 của Hợp đồng tín dụng, Ngân hàng đã chuyển nợ quá hạn và phải chịu mức lãi suất nợ quá hạn theo thỏa thuận trong hợp đồng. Cụ thể: Ngân hàng yêu cầu ông Đ bà N phải có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng toàn bộ số tiền còn nợ theo Hợp đồng tín dụng đã ký tính đến ngày 26/9/2019 là 116.840.369đ (trong đó nợ gốc 100.188.726đ, nợ lãi trong hạn 11.577.348đ, nợ lãi quá hạn 5.074.295đ).

Sau khi ông Đ, bà N vi phạm nghĩa vụ thanh toán, Ngân hàng đã nhiều lần thông báo, đôn đốc, nhắc nhở nhưng ông Đ bà N không thực hiện việc trả nợ đúng hạn cho Ngân hàng. Như vậy, ông Đ, bà N đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ của bên vay, nên Ngân hàng khởi kiện yêu cầu ông Đ, bà N phải trả các khoản nợ gốc và lãi còn nợ theo hợp đồng tín dụng đã ký là có căn cứ, nên cần buộc ông Đ, bà N phải có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng.

[2.2] Về yêu cầu phát mại tài sản thế chấp trong trường hợp bị đơn không trả được nợ:

Để bảo đảm cho khoản tiền vay, ngày 13/7/2016 ông Lê Minh Đ và bà Lê Thị N đã ký hợp đồng thế chấp số 0167/2016/BĐ với Ngân hàng, thế chấp tài sản là 128,95m² đất (bao gồm: 45m² đất ở, 83,95m² đất vườn, đều có thời hạn sử dụng lâu dài) tại thửa số 498, tờ bản đồ số 01, địa chỉ: SN 33/251 phố H, phường Q, thành phố T, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 212460, sổ vào sổ cấp GCN T00212QTQSDĐ/1832/QĐ-CT ngày 10/9/2004 của UBND thành phố Thanh Hóa cấp4 cho ông Lê Minh Đ, bà Lê Thị N.

Xét thấy, hợp đồng thế chấp được ký kết giữa các bên trên cơ sở tự nguyện, nội dung thỏa thuận phù hợp với quy định pháp luật, ông Lê Minh Đ và bà Lê Thị N tự nguyện đem tài sản thuộc quyền sở hữu hợp pháp của mình để thế chấp bảo đảm cho khoản tiền vay và đã được đăng ký giao dịch bảo đảm theo quy định của pháp luật (Nghị định 163/2006/NĐ-CP ngày 29/12/2006 của Chính Phủ về giao dịch bảo đảm). Do vậy, hợp đồng thế chấp trên có hiệu lực pháp luật, làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên, các bên phải có trách nhiệm thực hiện các thỏa thuận đã cam kết trong hợp đồng.

Sau khi ông Đ, bà N vi phạm nghĩa vụ trả nợ, Ngân hàng đã đôn đốc, nhắc nhở, thông báo nhiều lần nhưng ông Đ, bà N không thực hiện đúng nghĩa vụ trả nợ, vì vậy Ngân hàng đề nghị phát mại tài sản thế chấp theo hợp đồng thế chấp đã ký để thu hồi nợ là có căn cứ.

Tại biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 15/7/2019 của Tòa án nhân dân thành phố T thể hiện tài sản thế chấp hiện không có giao dịch và không có tranh chấp gì.

[3] Về án phí: yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí theo quy định pháp luật. Tuy nhiên, ông Lê Minh Đ (sinh 1953) và bà Lê Thị N (sinh 1958) là người cao tuổi nên thuộc trường hợp được miễn nộp tiền án phí theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, nên HĐXX xem xét miễn nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm cho ông Lê Minh Đ và bà Lê Thị N.

Trả lại cho nguyên đơn số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự. Khoản 3 Điều 40; Điều 317, 318, 319, 463, 466 của Bộ luật dân sự năm 2015. Điều 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng. Điều 5; điểm a khoản 1 Điều 6 Nghị quyết 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng thẩm phán - TAND Tối cao; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP P.

Buộc ông Lê Minh Đ và bà Lê Thị N phải trả cho Ngân hàng TMCP P tổng số tiền còn nợ theo Hợp đồng tín dụng đã ký (hợp đồng số 0167/2016/HĐTD-CN ngày 13/7/2016) tính đến ngày 26/9/2019 là 116.840.369đ (một trăm mười sáu triệu, tám trăm bốn mươi nghìn, ba trăm sáu chín đồng), trong đó nợ gốc 100.188.726đ (một trăm triệu, một trăm tám mươi tám nghìn, bảy trăm hai sáu đồng), nợ lãi trong hạn 11.577.348đ (mười một triệu, năm trăm bảy mươi bảy nghìn, ba trăm bốn tám đồng), nợ lãi quá hạn 5.074.295đ (năm triệu, không trăm bảy mươi tư nghìn, hai trăm chín lăm đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, ông Lê Minh Đ và bà Lê Thị N còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên đã thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng cho đến khi thanh toán xong.

2. Trường hợp ông Lê Minh Đ và bà Lê Thị N không trả được khoản nợ trên thì Ngân hàng TMCP P có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền xử lý phát mại tài sản thế chấp để thu hồi nợ theo quy định pháp luật. Cụ thể: quyền sử dụng 128,95m² đất (bao gồm: 45m² đất ở, 83,95m² đất vườn, đều có thời hạn sử dụng lâu dài) và tài sản gắn liền với đất tại thửa số 498, tờ bản đồ số 01, địa chỉ: SN 33/251 phố H, phường Q, thành phố T, tỉnh Thanh Hóa, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 212460, sổ vào sổ cấp GCN T00212QTQSDĐ/1832/QĐ-CT ngày 10/9/2004 của UBND thành phố Thanh Hóa cấp cho ông Lê Minh Đ và bà Lê Thị N, theo hợp đồng thế chấp số 0167/2016/BĐ ngày 13/7/2016.

3. Về án phí: Miễn án phí dân sự sơ thẩm cho ông Lê Minh Đ và bà Lê Thị N.

Trả lại cho Ngân hàng TMCP P số tiền tạm ứng án phí đã nộp 3.137.000đ (ba triệu một trăm ba bảy nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2017/0006656 ngày 24/12/2018 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố T.

4. Về quyền kháng cáo: Ngân hàng TMCP P được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Ông Lê Minh Đ, bà Lê Thị N được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- VKSND TP T;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS TP T;
- Lưu hồ sơ vụ án;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Nguyễn Thu Hà